TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Ngọc Hà

2. Ông Mai Nhật Đậu

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1993;
Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Khu 7, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;
Hiện ở tại: Khu 15, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.
Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu 7, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Vi Thị T trình bày: Chị và anh Ma Văn T đăng ký kết hôn ngày 30/3/2012 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và sống tại khu 7, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tính cách, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu 15, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở từ đó cho đến nay. Hai bên không ai quan T đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ma Thị Minh T, sinh ngày 06/11/2012. Hiện cháu T đang ở với chị, ly hôn chị xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ,công sức: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Ma Văn T có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Như vậy, anh T cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai của anh T và Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Ma Văn T.

-Về con chung: Xử giao cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ma Thị Minh T, sinh ngày 06/11/2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T trình bày không có không đề nghị giải quyết nhưng do anh T vắng mặt nên các quan hệ này cần tách ra, khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Vi Thị T và anh Ma Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự có nơi cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật

nhưng anh T không có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, anh T cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh T không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 28/6/2019, bị đơn anh Ma Văn T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ma Văn T đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Ma Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Ma Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 30/3/2012 đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn mục đích hôn nhân không đạt được, rơi vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu 15 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở từ cuối năm 2013, vợ chồng sống ly thân, không quan T đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh T đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan T đến nhau. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã H nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mẫu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 như vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ma Thị Minh T, sinh ngày 06/11/2012, hiện cháu T đang ở với chị T. Anh T vắng mặt tại Tòa án nên không có quan điểm về con chung. Mặt khác con chung còn nhỏ, lại đang ở với chị T, để không làm sáo trộn cuộc sống của con chung cũng như tạo điều kiện để các đương sự có điều kiện nuôi dạy con chung phát triển toàn diện và qua ý kiến của chính quyền địa phương và phụ nữ xã H cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vị vậy, cần xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cố tình vắng mặt, không có bản tự khai nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Ma Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ma Thị Minh T, sinh ngày 06/11/2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ma Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002177 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Vi Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có mặt có quyền kháng cáo, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã,
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã H;
- Lưu HS (2bản);
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thúy